UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NGHỊ QUYẾT VỀ LỆ PHÍ HỘ TỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TP ĐỒNG NAI

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Luật Hộ tịch năm 2026; - Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; - Căn cứ Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ về phát triển công dân số; - Căn cứ Nghị định 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết** - Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đồng Nai. - Đối tượng nộp lệ phí: Người nộp lệ phí là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật. - Cơ quan, đơn vị tổ chức thu: + Sở Tư pháp; + UBND các xã, phường; + Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công về đăng ký hộ tịch. **Phụ lục đính kèm:** Nội dung Nghị quyết trình ban hành Phụ lục lệ phí hộ tịch, cụ thể như sau:	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết** - Áp dụng cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp; UBND các xã/phường; Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công về đăng ký hộ tịch. - Người có yêu cầu đăng ký hộ tịch không phân biệt nơi cư trú. - Việc thu lệ phí hộ tịch được miễn đối với các đối tượng chính sách.
	1. Khai sinh	**Mức thu (VN đồng)**

	- Đăng ký mới; - Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	20.000 – Công dân Việt Nam cư trú trong nước.
		100.000 – Có một bên hoặc hai bên là người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
	2. Kết hôn; đăng ký lại kết hôn	**Mức thu (VN đồng)**
	- Đăng ký mới	- 1.500.000 – Có một bên hoặc hai bên là người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
	- Đăng ký lại kết hôn	1.500.000 – Có một bên hoặc hai bên là người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
		50.000 – Cả hai bên là công dân Việt Nam cư trú trong nước
	3. Khai tử	**Mức thu (VN đồng)**
	- Khai tử quá hạn; - Khai tử có yếu tố nước ngoài	20.000 – Công dân Việt Nam cư trú trong nước
		100.000 – Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
	4. Giám hộ	**Mức thu (VN đồng)**
	- Giám hộ; - Chấm dứt giám hộ; - Giám sát việc giám hộ; - Chấm dứt việc giám sát việc giám hộ.	50.000 – Công dân Việt Nam cư trú trong nước. 70.000 – Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
	5. Nhận cha, mẹ, con	**Mức thu (VN đồng)**

		70.000 – Cả hai bên là công dân Việt Nam cư trú trong nước
		1.500.000 – Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài
	6. Thay đổi thông tin hộ tịch	**Mức thu (VN đồng)**
	- Thay đổi họ, chữ đệm, tên của cá nhân; - Thay đổi thông tin về quê quán; - Thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán trong nội dung khai sinh của cá nhân; - Xác định lại dân tộc; - Cải chính thông tin hộ tịch; - Bổ sung thông tin hộ tịch; điều chỉnh thông tin hộ tịch.	150.000
	7. Cấp Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	**Mức thu (VN đồng)**
		25.000
	8. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	**Mức thu (VN đồng)**
	- Khai sinh; - Kết hôn; - Khai tử; - Giám hộ; - Xác định cha, mẹ, con; - Nuôi con nuôi; - Thay đổi thông tin hộ tịch.	150.000
	9. Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết	**Mức thu (VN đồng)**

	định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
	Ghi chú vào Sổ khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn khi có sự thay đổi về tình trạng hôn nhân, tình trạng quốc tịch, tình trạng nhân thân, giới tính, dân tộc…	20.000
	10. Cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	**Mức thu (VN đồng)**
	- Xác nhận thông tin về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký nhưng nội dung đã đăng ký đã có sự thay đổi do được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. - Xác nhận thông tin hộ tịch khác nhau của cá nhân. - Xác nhận thông tin của một cá nhân trong các giấy tờ hộ tịch không thống nhất	20.000
	Trường hợp đăng ký hộ tịch trực tuyến	Giảm 50% đối với hồ sơ có yếu tố nước ngoài